

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HS-PT

Ngày: 18-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2020/TLPT-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 do có kháng cáo của người bị hại bà Lê Thị O đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2019/HS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bị cáo bị kháng cáo:

Lê Thị M (tên gọi khác: không), sinh năm 1979, tại Long An; Nơi cư trú: xã L, huyện D, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn R và bà Nguyễn Thị T; có chồng tên Huỳnh Văn H; có 02 con ruột, lớn nhất sinh năm 2000; nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2019 đến ngày 24/8/2019 tại xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Văn D thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

- Bị hại (kháng cáo):

Bà Lê Thị O, sinh năm: 1957; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Long An. (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn L (Bé), sinh năm: 1985
2. Ông Vũ Chí T, sinh năm: 1947
3. Ông Huỳnh Văn H (Mười), sinh năm: 1975
4. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1937

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 23/10/2018, bị hại Lê Thị O thuê ông Nguyễn Văn L xây dựng hàng rào (tô xi măng lên tường gạch) trên phần đất đang tranh chấp với gia đình bị cáo Lê Thị M. Khi ông L đang tô xi măng lên tường gạch thì ông Huỳnh Văn H chồng bị cáo M và bà Nguyễn Thị T là mẹ chồng bị cáo M đứng ra can ngăn không cho ông L tô xi măng lên tường gạch. Lúc ông L thấy bà O và gia đình bị cáo M cự cãi nên dừng tô và đứng gần tường rào; bị hại O lấy cái bay thợ hồ vét xi măng tô lên tường gạch, bị cáo M lấy 01 đoạn cây gỗ chiều dài 88cm, đường kính 02cm gạt xi măng mà bị hại O vừa tô lên tường làm xi măng rơi xuống đất; bị hại O cầm bay thợ hồ bằng tay phải chỉ về phía bà M. Lúc đó, M cầm đoạn gỗ nói trên đánh 01 cái từ phải sang trái trúng tay phải của bị hại O làm gãy kín đầu dưới xương trụ phải tay của bị hại O. Sau khi bị đánh trúng, bị hại O đi về phía nhà mình thì thấy M đuổi theo nên bà O lấy gạch ném về hướng M nhưng không trúng; M ném đá về phía bà O nhưng không trúng. Bà O được gia đình đưa đến bệnh viện Đa khoa Khu vực Củ Chi, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh điều trị. Sau đó, bà O đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 225/TgT.18-PY ngày 17/12/2018 của Trung tâm Giám định Pháp y tỉnh Long An kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bà Lê Thị O là 10%.

Vật chứng vụ án thu được gồm: 01 đoạn cây gỗ chiều dài 88cm, đường kính 02cm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 113/2019/HS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 65, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ các Điều 584, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị M** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị M **06** (sáu) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là **12** tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18 tháng 10 năm 2019).

Giao bị cáo Lê Thị M cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Long An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Lê Thị M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự năm 2010.

Trong thời gian thử thách, người bị án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị M phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Thị O số tiền 35.000.000 đồng; khấu trừ 5.000.000 đồng mà bị cáo Lê Thị M đã nộp theo Biên lai số: 0001893 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành cho nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Lê Thị O.

Bị cáo Lê Thị M phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 29/10/2019, người bị hại bà Lê Thị O kháng cáo: Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị tăng nặng hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bồi thường số tiền 78.355.305 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Lê Thị O rút lại một phần kháng cáo phần trách nhiệm dân sự, cụ thể không yêu cầu buộc bị cáo bồi thường chi phí điều trị (mà bà được Bảo hiểm y tế chi trả) để trả cho phía Cơ quan bảo hiểm; Giữ nguyên các nội dung kháng cáo còn lại. Bà O còn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Thị M 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là quá nhẹ trong khi mới chỉ bồi thường cho bà 5.000.000 đồng, bị cáo nói không có tiền bồi thường nhưng lại đi thuê luật sư bào chữa nên tòa sơ thẩm tuyên bồi thường 35.000.000 đồng bà không đồng ý.

Bị cáo Lê Thị M thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như bản án sơ thẩm nêu. Bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích”

là đúng, không oan. Bị cáo đồng ý với mức bồi thường thiệt hại của Tòa án cấp sơ thẩm. Bị cáo không kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bà O thuê người tô tường phía đất của bà M là không phù hợp, bức tường không cần thiết tô bên bà M. Tỷ lệ thương tích 10% có khả năng là khi bà O bỏ chạy và bị té chống tay xuống đất đồng thời bà O tuổi đã cao nên tỷ lệ thương tích không hoàn toàn do bị cáo M gây ra.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về tố tụng: Bị hại Lê Thị O thực hiện kháng cáo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Về trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo Lê Thị M bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18 tháng 10 năm 2019) là có căn cứ, không oan.

Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Lê Thị M phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Thị O số tiền 35.000.000 đồng; khấu trừ 5.000.000 đồng mà bị cáo Lê Thị M đã nộp theo Biên lai số: 0001893 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành cho nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Lê Thị O. Bị cáo Lê Thị M phải nộp tiếp số tiền còn thiếu là 30.000.000 đồng là phù hợp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại kháng cáo xin tăng nặng hình phạt và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền là 78.355.305 đồng. Bà O yêu cầu bồi thường chi phí bà thuê người nuôi bò 4.000.000đ/tháng trong thời gian bà không lao động được là quá cao so với thương tích bị cáo gây ra cho bà. Số tiền 35.000.000 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường là phù hợp với tỷ lệ tổn thương cơ thể do bị cáo M gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên của bản án hình sự sơ thẩm số 113/2019/HS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bị hại Lê Thị O thực hiện việc kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Vào khoảng 09 giờ, ngày 23/10/2018 tại sân phía trước nhà bị cáo M; do mâu thuẫn trong tranh chấp đất đai nên trong lúc bà O thuê người tô tẩm tường đã được phía bị cáo M cho phép xây thì bị cáo Lê Thị M đã cầm 01 đoạn cây gỗ chiều dài 88cm, đường kính 02cm trên tay phải đánh 01 cái từ phải qua trái trúng vào tay phải của bị hại Lê Thị O làm gãy kín đầu dưới xương trụ tay phải với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 10%. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, không oan. Về mức án, mặc dù bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù là nhẹ, không tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi bị cáo thực hiện và thương tích bị cáo gây ra cho bị hại; Đồng thời mới chỉ bồi thường 5.000.000 đồng trên tổng số tiền 35.000.000 đồng bị cáo phải bồi thường cho bị hại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b Khoản 1 Điều 51 BLHS để đánh giá có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp, tuy nhiên, đến ngày xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp thêm 20.000.000 đồng tại Cục Thi hành án để bồi thường cho bị hại nên xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, tăng mức hình phạt tù và giữ nguyên việc cho hưởng án treo đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bà O bị té chống tay nhưng căn cứ vào kết luận giám định pháp y về thương tích số: 225/TgT.18-PY ngày 17/12/2018 của Trung tâm Giám định Pháp y tỉnh Long An, biên bản hiện trường (Bút lục 26), lời khai của bị cáo và bị hại tại phiên tòa sơ, phúc thẩm thì không có tình tiết nào xác định bà O bị té chống tay dẫn đến thương tích là 10% nên bào chữa không căn cứ, không được chấp nhận.

[3] Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại đủ 78.355.305 đồng so với 35.000.000 đồng bị cáo được Tòa án sơ thẩm buộc bồi thường, bao gồm yêu cầu về thu nhập thực tế bị mất là 36.000.000 đồng (thuê người cắt cỏ nuôi bò, tiền bán rau hàng ngày); chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị hại là 24.900.000 đồng; tiền bù đắp mức thu nhập thực tế bị giảm sút 9.730.000 đồng. Xét thấy, các yêu cầu của bị hại đưa ra đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và chấp nhận những chi phí hợp lý và buộc bị cáo bồi thường 35.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với tổn thất thực tế của bị hại. Bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường nhưng không cung cấp được tình tiết nào khác để chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị hại Lê Thị O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù (cho hưởng án treo) lại áp dụng Khoản 1 Điều 54 BLHS là không đúng, (Khoản 1 Điều 134 BLHS có mức hình phạt “*cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm*”) cần sửa phần quyết định không áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS và lưu ý cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Lê Thị O; Sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 113/2019/HS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Tuyên bố bị cáo: **Lê Thị M** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị M **01 (một)** năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày hưởng án treo (ngày xét xử sơ thẩm 18 tháng 10 năm 2019).

Giao bị cáo Lê Thị M cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Long An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Lê Thị M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Lê Thị M cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định bị cáo Lê Thị M chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo Lê Thị M phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Thị O, giữ nguyên bản án Hình sự sơ thẩm số 113/2019/HS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về phần trách nhiệm dân sự.

Căn cứ các Điều 584, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Buộc bị cáo Lê Thị M phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Lê Thị O số tiền 35.000.000 đồng; Chuyển 5.000.000 đồng bị cáo Lê Thị M đã nộp theo biên lai số 0001893 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa và 20.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000010 ngày 18/05/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An sang thi hành cho nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Lê Thị O, bị cáo Lê Thị M phải bồi thường tiếp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bị hại Lê Thị O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Dung